

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 35A/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07/9/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Thành.

2. Bà Vũ Thị Lệ Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Địa chỉ: số nhà 25 đường H, quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Lan H - sinh năm 1994; nơi cư trú: tổ 84, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công D, sinh năm: 1982; nơi cư trú: tổ 84, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến trong quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Phan Thị Lan H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Công D tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và đến với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S,

thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 125/2012, quyển số 01/2012). Sau khi kết hôn hai vợ chồng đi thuê nhà ở được một thời gian sau đó thì về chung sống với nhau tại nhà cha mẹ tôi ở tổ 84 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Trong quá trình chung sống đến năm 2013 thì giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng tôi ăn nhậu rồi suy nghĩ ghen tuông bậy bạ, can thiệp, cấm cản mọi việc làm của tôi, đánh đập và luôn gây gổ với tôi trước mặt con gái, xúc phạm luôn cả cha mẹ tôi. Tôi đã chấp nhận bỏ qua và tha thứ nhiều lần do gia đình hai bên hòa giải nhưng đến nay tôi không thể chịu đựng được nữa, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Thực tế tuy vẫn còn sống chung một nhà nhưng hai chúng tôi đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay, vợ chồng ăn riêng, ngủ riêng, không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tôi xin được ly hôn với ông Nguyễn Công D.

- Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Phan Nhã P, sinh ngày 14/01/2013. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Nguyễn Công D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3000.000 đồng cho đến khi con gái chúng tôi đủ 18 tuổi. Tôi làm nhân viên khách sạn, thu nhập của tôi bình quân mỗi tháng 8000.000 đồng.

- Về tài sản chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

* Bị đơn - ông Nguyễn Công D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Phan Thị Lan H tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và đến với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 125/2012, quyển số 01/2012). Sau khi kết hôn hai vợ chồng đi thuê nhà ở được một thời gian sau đó thì về chung sống với nhau tại nhà cha mẹ vợ ở tổ 84 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng cũng có vài lần không cùng quan điểm nên đã xảy ra cãi nhau. Đến tháng 7/2021 tôi không hiểu lý do vì sao vợ tôi đã gửi đơn ly hôn. Do tôi không muốn ly hôn với vợ trong tình trạng hoang mang nên tôi đã uống thuốc tự tử nhưng được bố mẹ vợ phát hiện kịp thời, đã đưa tôi đi cấp cứu và vợ tôi đã rút đơn ly hôn, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Hiện nay tôi đã khỏe lại, đi làm bình thường nhưng tinh thần vẫn rất hỗn loạn. Vợ chồng tuy vẫn sống chung một nhà nhưng hai chúng tôi đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay, vợ chồng ăn riêng, ngủ riêng, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay vợ tôi xin ly hôn thì tôi không đồng ý, tôi xin được đoàn tụ.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Phan Nhã P, sinh ngày 14/01/2013. Tôi không đồng ý ly hôn nên không đặt vấn đề phân chia con chung.

Mặc dù trước đây trong quá trình hòa giải tôi cũng yêu cầu được nuôi con nếu bà Phan Thị Lan H vẫn kiên quyết ly hôn và được Tòa án chấp nhận, tôi không yêu cầu bà Huệ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa nếu bà Phan Thị Lan H vẫn kiên quyết ly hôn và được Tòa án chấp nhận thì tôi cũng đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng. Tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Phan Nhã P mỗi tháng 3000.000 đồng. Tôi làm thợ mộc, thu nhập của tôi bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: vợ chồng tôi không có nợ chung.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về quan hệ hôn nhân: căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Lan H đối với ông Nguyễn Công D.

* Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 giao con chung Nguyễn Phan Nhã P, sinh ngày 14/01/2013 cho bà Phan Thị Lan H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Nguyễn Công D cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Phan Nhã P mỗi tháng 3000.000 đồng cho đến khi con gái ông bà đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung: bà Phan Thị Lan H và ông Nguyễn Công D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đề cập giải quyết.

* Về nợ chung: bà Phan Thị Lan H và ông Nguyễn Công D đều xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của bà Phan Thị Lan H đối với ông Nguyễn Công D là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phan Thị Lan H và ông Nguyễn Công D kết hôn vào năm 2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/6/2012 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 125/2012, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/6/2012). Hôn

nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Lan H và ý kiến của ông Nguyễn Công D thì thấy:

Mặc dù trong quá trình tố tụng, hai ông bà trình bày ý kiến khác nhau, bà Phan Thị Lan H kiên quyết xin ly hôn còn ông Nguyễn Công D thì không đồng ý ly hôn; qua xác minh tại địa phương được biết hai vợ chồng ông bà tuy không gây ồn ào mất trật tự trong khu phố nhưng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng, cãi vã nhau diễn ra trong nội bộ gia đình. Mặt khác, vào tháng 7/2021 bà Phan Thị Lan H đã từng gửi đơn ly hôn, sau đó lại rút đơn ly hôn để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng vẫn không hạnh phúc. Tại phiên tòa cả hai ông bà cũng đều thừa nhận tuy hai vợ chồng vẫn còn sống chung trong một nhà nhưng thực tế vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ tháng 10 năm 2021 đến nay, vợ chồng ăn riêng, ngủ riêng, không có sự chia sẻ gì với nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống. Xét thấy mâu thuẫn của hai ông bà đã đến mức trầm trọng, nếu cứ kéo dài cuộc hôn nhân của ông bà như hiện nay thì sẽ không đạt được mục đích. Do đó, căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Lan H là phù hợp.

[3] Về con chung: bà Phan Thị Lan H và ông Nguyễn Công D có 01 con chung tên: Nguyễn Phan Nhã P, sinh ngày 14/01/2013. Ly hôn, nguyện vọng của bà Phan Thị Lan H là được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông Nguyễn Công D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3000.000 đồng cho đến khi con gái ông bà đủ 18 tuổi. Còn ông Nguyễn Công D không đồng ý ly hôn nên không đặt vấn đề phân chia con chung. Tuy nhiên, trước đây ông cho rằng nếu bà Phan Thị Lan H vẫn kiên quyết ly hôn và được Tòa án chấp nhận thì ông cũng yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa ông lại xác định nếu bà Phan Thị Lan H vẫn kiên quyết ly hôn và được Tòa án chấp nhận thì ông cũng đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Phan Nhã P mỗi tháng 3000.000 đồng.

Xét yêu cầu của hai ông bà về việc nuôi con thì thấy, cháu Nguyễn Phan Nhã P là con gái, rất cần sự chăm sóc, quan tâm, gần gũi của mẹ, nguyện vọng của cháu cũng yêu cầu được ở với mẹ. Tại phiên tòa ông D cũng xác định nếu bà Phan Thị Lan H vẫn kiên quyết ly hôn và được Tòa án chấp nhận thì ông cũng đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu Nguyễn Phan Nhã P về mọi mặt, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu, HĐXX thấy cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Lan H giao con chung Nguyễn Phan Nhã P cho bà Phan Thị Lan H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung của hai ông bà đủ 18 tuổi là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H thì thấy, cháu Nguyễn Phan Nhã P đang độ tuổi ăn học, chi phí sinh hoạt, học hành của cháu ngày càng nhiều, do đó yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H là chính đáng. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, ông D cũng thừa nhận thu nhập bình quân mỗi tháng của ông được 10.000.000 đồng, mức cấp dưỡng nuôi con 3000.000 đồng/tháng mà bà H yêu cầu ông thấy cũng phù hợp, do đó căn cứ các Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H là phù hợp.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: bà Phan Thị Lan H và ông Nguyễn Công D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về nợ chung: bà Phan Thị Lan H và ông Nguyễn Công D đều xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” bà Phan Thị Lan H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm là: 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Phan Thị Lan H đã nộp tại biên lai thu số 0006303 ngày 20.7.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S.

Ông Nguyễn Công D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Lan H đối với ông Nguyễn Công D.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Lan H được ly hôn với ông Nguyễn Công D.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Phan Nhã P, sinh ngày 14/01/2013 cho bà Phan Thị Lan H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Nguyễn Công D cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Phan Nhã P mỗi tháng 3000.000 đồng cho đến khi con Nguyễn Phan Nhã P đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: bà Phan Thị Lan H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp tại biên lai thu số 0006303 ngày 20.7.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S.

Ông Nguyễn Công D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát quận S
- Những người tham gia tố tụng
- Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

